TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Minh Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống;

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1972 (có đơn vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lâm Văn K, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị A trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Năm 1994, sau thời gian tìm hiểu thì bà A và ông K đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

*Lý do xin ly hôn:*Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi và không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Đến năm 2015 thì mâu thuẫn đỉnh điểm, không thể tiếp tục chung sống do không còn tình cảm. Bà và ông K tuy còn sống chung

nhưng không chăm lo cho nhau, ông K đi làm vuông và ở tại chòi vuông, ít gặp gỡ nên không giải quyết được mâu thuẫn. Gia đình, thân tộc hai bên cũng tổ chức hàn gắn hôn nhân cho vợ chồng nhưng không kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên bà A yêu cầu ly hôn với ông K.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Lâm Chí L, sinh năm 1995, Lâm Chí M, sinh năm 1997 và Lâm Chí T, sinh năm 1999. Hiện nay các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà A tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ông Lâm Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông K vắng mặt không cung cấp văn bản trình bày ý kiến.*

Tại phiên tòa:

Bà A có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông K vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng

Bà A yêu cầu ly hôn với ông K, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà A nộp đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà A.

Ông K được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt lần 02 không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà A và ông K sau thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương vào năm 1994; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/3/2009, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2009, quyển số 28. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà A và ông K được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà A yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi do không tiếng nói chung, mâu thuẫn đỉnh điểm vào năm 2015 vợ chồng liên tục cự cãi, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân do không còn tình cảm

vợ chồng. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông K để hàn gắn hôn nhân nhưng ông K vắng mặt, không trình bày ý kiến chứng tỏ ông K không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà A và ông K đã đến mức trầm trọng, bởi lẽ vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015 và cho đến nay vẫn không có cách giải quyết mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị A đối với ông Lâm Văn K theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về nuôi con chung: Có 03 người con chung tên Lâm Chí L, sinh năm 1995, Lâm Chí M, sinh năm 1997 và Lâm Chí T, sinh năm 1999. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

- Về cấp dưỡng, chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết,căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự*"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà A phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều147,220, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị A với ông Lâm Văn K.

2. Về nuôi con chung: Không đặt ra xem xét do 03 người con đã trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị A chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ th ẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà A được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006939 ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huy ện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Đất Mới;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Khánh